

Kon Tum, ngày 27 tháng 4 năm 2016

Số: 67 /KH-BCĐ

KẾ HOẠCH
Thực hiện Chương trình hành động vì trẻ em
tỉnh Kon Tum giai đoạn 2016-2020

Thực hiện Quyết định số 136/QĐ-UBND, ngày 06/3/2013 về việc ban hành Chương trình hành động vì trẻ em tỉnh Kon Tum giai đoạn 2013-2020. Ban chỉ đạo Chương trình hành động vì trẻ em tỉnh (*Ban chỉ đạo*) xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hành động vì trẻ em trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2016-2020, cụ thể như sau:

I. Mục tiêu

1. Mục tiêu tổng quát

- Đến năm 2020 số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp, chăm sóc để phục hồi, tái hòa nhập đạt trên 92,5 % (*theo tiêu chí cũ*) và đạt 86,5% (*theo tiêu chí mới*); có trên 40% xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em; nâng cao chất lượng các dịch vụ y tế, giáo dục, văn hóa, vui chơi, giải trí; bảo vệ trẻ em; đảm bảo nước sạch, vệ sinh môi trường, quyền tham gia của trẻ em; ngăn chặn, đẩy lùi các nguy cơ xâm hại, lạm dụng trẻ em, giảm đến mức thấp nhất trẻ em vi phạm pháp luật.

- Xây dựng môi trường an toàn, thân thiện và lành mạnh để thực hiện ngày càng tốt hơn các quyền cơ bản của mọi trẻ em. Từng bước giảm số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt; giảm khoảng cách chênh lệch và điều kiện sống giữa các nhóm trẻ em, trẻ em giữa vùng thuận lợi với vùng khó khăn, nhất là trẻ em vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào người dân tộc thiểu số. Nâng cao chất lượng cuộc sống và tạo cơ hội phát triển bình đẳng cho trẻ em.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu sức khỏe, dinh dưỡng, nước sạch vệ sinh môi trường:

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 05 tuổi: Suy dinh dưỡng cân nặng theo tuổi xuống còn 20,9%; chiều cao theo tuổi xuống dưới 39%; Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ trên 97%; tỷ lệ trẻ em dưới 06 tuổi được cấp thẻ bảo hiểm y tế và được khám chữa bệnh miễn phí đạt 99%.

- Tỷ lệ dân số được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 85% trở lên; tỷ lệ hộ dân cư sử dụng hố xí hợp vệ sinh đạt 51-57%.

2.2. Mục tiêu giáo dục:

Tỷ lệ trẻ em đi nhà trẻ đạt 16%; trẻ em 3-5 tuổi đi học mẫu giáo đạt 90%; trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt trên 99%; bậc Trung học cơ sở đi học đạt trên 99%; tỷ lệ trẻ em khuyết tật được giáo dục hòa nhập đạt 70%; hạn chế mức thấp nhất trẻ

em bỏ học ở các cấp học.

2.3. Mục tiêu về Văn hóa, vui chơi và sự tham gia của trẻ em:

- Tỷ lệ trẻ em tham gia hoạt động tại các điểm vui chơi, Bảo tàng tỉnh, Di tích Ngục Kon Tum thu hút các em đạt 70%; duy trì tổng số điểm vui chơi giải trí dành cho trẻ em 99 điểm; trong đó cấp tỉnh quản lý 04 điểm; cấp huyện, thành phố quản lý 10 điểm; cấp xã, phường, thị trấn (cấp trường) quản lý 85 điểm; duy trì 62 thư viện, phòng đọc; 97 tủ sách; 512 Nhà văn hóa, Nhà rong văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng; mỗi năm có: 09 giờ phát thanh giành cho trẻ em; 08 giờ truyền hình giành cho trẻ em; có 10 nghìn lượt ấn phẩm dành cho trẻ em.

- 100% huyện, thành phố duy trì tạo điều kiện cho trẻ em tham gia ý kiến trong việc thực hiện các quyền của trẻ em.

2.4. Mục tiêu bảo vệ trẻ em:

- Bình quân mỗi năm giảm 0,5% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được bảo vệ, chăm sóc để phục hồi, trong đó có trẻ em mồ côi, bị bỏ rơi, trẻ em bị khuyết tật, tàn tật, trẻ em bị nhiễm chất độc da cam, trẻ em nhiễm HIV/AIDS...; trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt được quan tâm nâng cao chất lượng cuộc sống, chăm sóc dưới mọi hình thức; duy trì không để xảy ra tình trạng trẻ em sử dụng chất gây nghiện, trẻ em bị bắt cóc, bị mua bán.

Duy trì 41 đơn vị cấp xã có hệ thống bảo vệ trẻ em hoạt động hiệu quả và nhân rộng thêm mô hình bảo vệ trẻ em; duy trì công tác xã hội trẻ em tại Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh; Trung tâm công tác xã hội thành phố Kon Tum; 03 điểm tham vấn cộng đồng; thực hiện tốt 04 mục tiêu của Quỹ Bảo trợ trẻ em các cấp.

II. Nội dung hoạt động

1. Truyền thông, giáo dục, vận động xã hội để nâng cao nhận thức và chuyển đổi hành vi thực hiện các quyền trẻ em

- Tổ chức Tháng hành động vì trẻ em hàng năm thông qua các chiến dịch, sự kiện truyền thông, vận động xã hội tham gia thực hiện quyền trẻ em như: tổ chức Diễn đàn trẻ em các cấp; các sự kiện văn hóa thể thao; ngày vi chất dinh dưỡng trẻ em. Hỗ trợ trẻ em tổ chức các sự kiện, hoạt động truyền thông cho trẻ em và thực hiện quyền, nghĩa vụ của trẻ em.

- Tổ chức các hoạt động truyền thông đại chúng về bảo vệ, chăm sóc trẻ em; nghiên cứu sản xuất, nhân bản, cung cấp tài liệu truyền thông, biên soạn nội dung truyền thông phù hợp với đối tượng truyền thông; phối hợp truyền thông lồng ghép với các cấp, các ngành; duy trì và nhân rộng các mô hình truyền thông có liên quan đến bảo vệ chăm sóc trẻ em tại cơ sở.

- 100% cộng đồng, khu dân cư có các vấn đề đáng quan tâm liên quan đến quyền trẻ em được truyền thông nâng cao nhận thức về quyền trẻ em, kiến thức và kỹ năng làm cha mẹ.

2. Thực hiện mục tiêu sức khỏe, dinh dưỡng

- Củng cố, hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở: Tiếp tục củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế xã và thôn bản về cơ sở vật chất, trang thiết bị và chuyên môn, nâng

cao chất lượng dịch vụ y tế tuyến cơ sở.

- Củng cố và phát triển mạng lưới y tế dự phòng: Từng bước phát triển hệ thống y tế dự phòng tuyến tỉnh, kiểm soát các bệnh truyền nhiễm, vệ sinh an toàn thực phẩm, y tế lao động và vệ sinh môi trường, sức khỏe trường học và dinh dưỡng cho trẻ em. Củng cố và đầu tư phát triển khoa sản, Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản cả về cơ sở vật chất, trang thiết bị, năng lực cán bộ để bảo đảm cung cấp các dịch vụ chăm sóc các bà mẹ trước, trong và sau sinh. Xây dựng và phát triển các Trung tâm Y tế tuyến huyện để giám sát dịch tễ; vệ sinh phòng, chống dịch; kiểm soát và phòng, chống HIV/AIDS; truyền thông giáo dục sức khỏe, dinh dưỡng; chăm sóc sức khỏe sinh sản và phong trào làng văn hoá sức khỏe.

- Phát triển mạng lưới khám chữa bệnh: Củng cố và nâng cao mạng lưới khám, chữa bệnh theo các tuyến kỹ thuật từ thấp đến cao, bảo đảm tính liên tục về cấp độ chuyên môn. Duy trì và phát triển phòng khám đa khoa khu vực thuộc Bệnh viện huyện và khám thông thường tại Trạm Y tế các xã; tạo cơ hội cho trẻ em được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe. Thực hiện tốt chính sách cấp thẻ và khám chữa bệnh miễn phí cho trẻ em dưới 6 tuổi. Đảm bảo tiếp cận công bằng các dịch vụ y tế chất lượng và thân thiện đối với mọi trẻ em, đặc biệt là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Xây dựng cơ chế phối hợp và quy trình chuyển tuyến hiệu quả để cung cấp các dịch vụ bảo vệ trẻ em phù hợp.

3. Thực hiện mục tiêu nước sạch, vệ sinh môi trường

- Nâng cao năng lực cán bộ làm công tác truyền thông về vệ sinh môi trường; đa dạng hoá các hoạt động tuyên truyền; phát triển các hình thức, tài liệu truyền thông có hiệu quả.

- Sửa chữa, cải tạo, xây dựng mới các công trình cấp nước, nhà tiêu, chuồng trại hợp vệ sinh. Đẩy mạnh công tác thông tin - giáo dục - truyền thông về nhận thức thay đổi hành vi vệ sinh sử dụng nước sạch, vệ sinh môi trường.

- Cung cấp đầy đủ thông tin về các giải pháp kỹ thuật, công nghệ trong xây dựng các công trình cấp nước, nhà tiêu, chuồng trại, hầm Biogas để người dân lựa chọn giải pháp phù hợp; Cung cấp các thông tin về điều kiện và thủ tục tiếp cận các nguồn vốn hỗ trợ và vốn vay để sửa chữa, cải tạo, xây dựng mới các công trình cấp nước sạch, vệ sinh hộ gia đình, trường học, trạm y tế và nơi công cộng.

- Huy động nguồn vốn đầu tư, nghiên cứu chính sách thu hút đầu tư đẩy nhanh xã hội hóa và hoàn thành bộ chỉ số theo dõi đánh giá cấp nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn.

4. Thực hiện mục tiêu giáo dục

- Tăng cường tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của người dân về quyền đi học của trẻ em và lợi ích của giáo dục ở vùng nghèo, vùng dân tộc thiểu số; triển khai các cuộc vận động và phong trào xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực, trường, lớp đạt chuẩn.

- Triển khai chính sách hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và trẻ em nghèo, cận nghèo đi học thường xuyên, tham gia học trong các trường nội trú dân nuôi. Hoạt động duy trì sỹ số và huy động học sinh ra lớp, nâng cao chất lượng phổ cập; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học, đồ chơi, thiết bị

vui chơi trong sân trường.

- Tăng cường chất lượng và hiệu quả giáo dục vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; củng cố, nâng cao chất lượng mọi mặt ở trường công lập, phát triển mạnh hệ thống các trường ngoài công lập ở tất cả các cấp học, bậc học. Huy động sự đóng góp của nhân dân và các nguồn xã hội hóa chăm lo, phát triển sự nghiệp giáo dục và nâng cao dân trí.

5. Thực hiện mục tiêu văn hóa, vui chơi cho trẻ em, quyền tham gia của trẻ em

- Tập trung xây dựng các thiết chế văn hoá phù hợp với từng vùng, có nội dung hoạt động thiết thực và bền vững để phục vụ cho nhân dân và trẻ em; trẻ em vui chơi giải trí được tiếp cận văn hóa lành mạnh.

- Tăng cường kiểm tra cấp phép và kiểm tra hoạt động các dịch vụ thông tin (internet), dịch vụ khác có ảnh hưởng đến sự phát triển của trẻ em.

- Các đoàn nghệ thuật của địa phương, các Đội thông tin lưu động tăng cường biểu diễn phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa; phối hợp các đoàn thể chính trị xã hội, các tình kết nghĩa, đặc biệt là Đoàn thanh niên và lực lượng Công an, Quân đội tham gia hỗ trợ, giúp đỡ đồng bào dân tộc thiểu số trong phát triển kinh tế và xây dựng đời sống văn hoá cơ sở.

- Tổ chức nhiều loại hình hoạt động văn hóa phù hợp có trẻ em tham gia; tổ chức hoạt động văn hóa truyền thống trong học đường; xây dựng trường học có thiết bị giáo dục thể chất; sản xuất đa dạng các ấn phẩm và thực hiện phát thanh, truyền hình dành cho trẻ em trên phương tiện thông tin đại chúng.

- Nghiên cứu triển khai cơ chế để trẻ em thực hiện quyền tham gia vào các công việc xây dựng chính sách, luật pháp liên quan đến trẻ em và tổ chức thực hiện các chính sách đó; tổ chức cho trẻ em tham gia góp ý, đánh giá, xây dựng chính sách, chương trình mục tiêu về trẻ em; tổ chức các diễn đàn trẻ em ở tất cả các cấp hàng năm để ghi nhận những ý kiến, đóng góp và đề xuất của các em về những chính sách, luật pháp, chương trình liên quan đến trẻ em.

- Đầu tư xây dựng các điểm vui chơi dành cho trẻ em gắn trong trường học hoặc tại trung tâm xã, phường, thị trấn. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố quan tâm có kế hoạch quy hoạch quỹ đất dành cho việc xây dựng điểm vui chơi giải trí trẻ em.

6. Thực hiện mục tiêu Bảo vệ trẻ em

- Hàng năm, củng cố, đào tạo nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ bảo vệ chăm sóc trẻ em ở các cấp; chú trọng huấn luyện các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy trình công tác xã hội đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; các kiến thức tâm lý, tham vấn, luật pháp, chính sách, quản lý nhà nước về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

- Nhân rộng hệ thống, mạng lưới tổ chức cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em dựa vào cộng đồng tại cấp xã. Xây dựng và nhân rộng các mô hình trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt dựa vào cộng đồng:

+ Trẻ em khuyết tật được tiếp cận với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, chỉnh hình và phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng, trẻ em bị bỏ rơi, trẻ mồ côi cả cha lẫn mẹ, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khác được chăm sóc thay thế dựa vào gia đình và cộng đồng phù hợp.

+ Ngăn ngừa, hạn chế trẻ em lang thang, trẻ em bị bạo lực, bị xâm hại tình dục, trẻ em vi phạm pháp luật, trẻ em lao động sớm, trẻ em nghiện game; tảo hôn; hạn chế trẻ em bị tai nạn thương tích; phòng chống rối nhiễu tâm lý trẻ em.

- Phối hợp với các ngành liên quan lồng ghép mục tiêu, chỉ tiêu bảo vệ trẻ em với các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội và nhiệm vụ mục tiêu của ngành liên quan. Thực hiện hoạt động giám sát, đánh giá theo chu kỳ hàng năm, từng giai đoạn; tăng cường hiệu quả việc triển khai các chính sách, chương trình chăm sóc bảo vệ trẻ em.

- Hoạt động thực hiện các mục tiêu của Quỹ Bảo trợ trẻ em tại các cấp tích cực hỗ trợ cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt; trẻ em vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

7. Thực hiện mục tiêu xây dựng xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em

- Thực hiện quy trình, đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em theo Kế hoạch số 2516/KH-UBND, ngày 03/10/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Quyết định 34/2014/QĐ-TTg, ngày 30/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em tại từng cấp, từng ngành.

- Tăng cường công tác truyền thông nâng cao nhận thức, trách nhiệm việc xây dựng mô hình “xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em” cho cán bộ, người dân, trẻ em và cộng đồng khu dân cư.

- Xây dựng, triển khai và nhân rộng mô hình “xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em” gắn với triển khai thực hiện chương trình xây dựng Nông thôn mới; thực hiện giám sát, đánh giá, tổ chức sơ, tổng kết, chia sẻ kinh nghiệm, nhân rộng mô hình, cấp giấy chứng nhận và khen thưởng việc thực hiện mô hình; triển khai thực hiện mô hình tại từng cấp.

8. Thực hiện quản lý, giám sát, đánh giá

- Hàng năm tổ chức các đợt giám sát liên ngành, đánh giá việc thực hiện các mục tiêu vì trẻ em trong Chương trình hành động vì trẻ em của tỉnh, thực hiện chính sách, luật pháp liên quan trẻ em; thực hiện rà soát các văn bản pháp luật, các chính sách của địa phương; thực hiện các đợt giám sát, đánh giá giữa kỳ và cả giai đoạn.

- Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch định kỳ vào tháng 12 hàng năm; tổng kết rút kinh nghiệm triển khai, thực hiện kế hoạch và biểu dương khen thưởng các tập thể, cá nhân có nhiều đóng góp thực hiện tốt các mục tiêu của kế hoạch vào năm 2020.

III. Kinh phí thực hiện

Căn cứ nhiệm vụ được giao trong Chương trình này các đơn vị, địa phương chủ động cân đối, sử dụng, lồng ghép với các Chương trình, Dự án liên quan do

Bộ, ngành chủ trì; nguồn dự toán được giao hàng năm kết hợp nguồn huy động từ hoạt động xã hội hóa triển khai thực hiện Chương trình.

IV. Giải pháp thực hiện

1. Tăng cường sự lãnh, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền

- Duy trì hoạt động của Ban Chỉ đạo, Ban Điều hành, tổ giúp việc thực hiện Kế hoạch hành động vì trẻ em để tăng cường công tác quản lý, giám sát, điều hành triển khai thực hiện đạt mục tiêu đề ra; Các địa phương, đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch lồng ghép tổ chức, triển khai thực hiện mục tiêu theo hệ thống từng ngành.

- Các cấp Chính quyền xây dựng kế hoạch giai đoạn thực hiện Chương trình hành động vì trẻ em và tổ chức thực hiện phù hợp tại cấp mình; bổ sung vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nghị quyết của Hội đồng nhân dân và chỉ đạo của Chính quyền về nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em; hàng năm có kế hoạch thực hiện các mục tiêu trong kế hoạch hành động vì trẻ em phù hợp với tình hình địa phương; phân công cán bộ, tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả vào cuối năm; ngoài kinh phí được bố trí theo kênh của các chương trình mục tiêu cần chú trọng bố trí thêm nguồn kinh phí cho các hoạt động vì trẻ em thực hiện kế hoạch tại địa phương; tăng cường công kiểm tra, giám sát theo quy định.

- Nâng cao năng lực tham mưu, quản lý nhà nước và trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em tại các cấp.

2. Công tác truyền thông

Tăng cường thông tin tuyên truyền phổ biến pháp luật, chính sách, nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức đoàn thể, gia đình, nhà trường, mọi người dân và toàn thể xã hội trong công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em; nâng cao kiến thức, kỹ năng cho trẻ em và gia đình về bảo vệ trẻ em. Chú trọng các biện pháp truyền thông phòng ngừa để bảo vệ trẻ em; tập trung tuyên truyền, giáo dục cho đối tượng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt và người nuôi dưỡng trẻ.

3. Xã hội hóa các hoạt động bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em

- Tạo cơ chế khuyến khích các tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, gia đình, cộng đồng, người dân và trẻ em tham gia bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; cung cấp dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục, vui chơi, giải trí, thể thao, du lịch, thông tin và truyền thông cho trẻ em.

- Tạo cơ hội, điều kiện thuận lợi cho trẻ em chủ động tham gia vào các hoạt động, bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em, thực hiện quyền, bổn phận của trẻ em và các hoạt động xã hội khác phù hợp với độ tuổi.

4. Tích cực huy động các nguồn lực

- Hàng năm nguồn vốn từ ngân sách nhà nước được phân bổ phù hợp với từng mục tiêu và thực hiện quản lý nhà nước tại các cấp, các ngành.

- Huy động xã hội hóa trong các thành phần kinh tế, xã hội và dân cư trong,

ngoài tỉnh và tăng cường hợp tác quốc tế, kêu gọi đầu tư, vận động vốn ODA để thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu vì trẻ em trên địa bàn toàn tỉnh.

V. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ kế hoạch này đề nghị các sở, ban, ngành, đoàn thể và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố theo nhiệm vụ được phân công tại Quyết định số 136/QĐ-UBND, ngày 06/3/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Chương trình hành động vì trẻ em tỉnh Kon Tum giai đoạn 2013-2020, chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình giai đoạn 2016-2020. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện 6 tháng (*trước ngày 15/6*), cả năm (*trước ngày 15/12*) gửi về Sở Lao động-Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội.

2. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo dõi, đôn đốc các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch; tham mưu Ban chỉ đạo tổ chức đánh giá sơ kết hàng năm và tổ chức tổng kết Chương trình vào năm 2020.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo và Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận: *nh*

- Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Cục BVCSTE, Lao động-Thương binh và Xã hội;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Ban VHXXH - HĐND tỉnh;
- Các Sở, ngành, đoàn thể có liên quan;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu VT - KGVX2

TRƯỞNG BAN



PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Trần Thị Nga

Phụ lục
KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU VÌ TRẺ EM
GIAI ĐOẠN 2016-2020

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện giai đoạn đến cuối 2015	KH thực hiện giai đoạn 2016-2020
I	Dân số trẻ em			
1	Số trẻ em dưới 16 tuổi	Người	177.850	183.000
	Trong đó trẻ em dưới 16 tuổi là người DTTS	Người	96.039	98.820
	Tỷ lệ trẻ em dưới 16/tổng dân số	%	35,57	40,0
2	Tổng số trẻ em dưới 6 tuổi	Người	69.014	71.000
	Trong đó trẻ em dưới 16 tuổi là người DTTS	Người	37.267	38.340
	Tỷ lệ trẻ em dưới 06 tuổi/tổng dân số	%	13,8	16,0
3	Số người chưa thành niên từ 16 đến <18 tuổi	Người	19.972	20.500
	Trong đó là người DTTS	Người	10.784	11070
	Tỷ lệ người chưa thành niên 16-<18/tổng dân số	%	3,99	6,50
4	Tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi được đăng ký khai sinh	%	99,0	>99,0
	Tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi được cấp thẻ BHYT	%	98,0	99,0
II	Mục tiêu về Sức khỏe dinh dưỡng			
1	Tổng số trẻ sinh ra trong năm	Người	11.873	-
	Tỷ lệ trẻ sơ sinh nhẹ cân (dưới 2.500 gram)	%	5,2	4,0
2	Tỷ suất tử vong trẻ dưới 05 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống	(‰)	60,3	57,2
	Tỷ suất tử vong trẻ dưới 01 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống	(‰)	38,0	35,5
	Tỷ số chết mẹ trên 1.000 trẻ đẻ sống	(‰)	29,1	29,0
3	Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi SDD cân nặng theo tuổi	%	23,4	20,9
	Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi SDD chiều cao theo tuổi	%	39,5	<39,0
4	Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ	%	96,6	> 97,0
5	Tổng số trạm y tế xã, phường	Trạm	102	102
	Trong đó số xã có bác sĩ	xã	102	102

6	Tổng số xã đạt tiêu chuẩn cộng đồng an toàn PCTNTT	xã	02	04
	Tỷ lệ xã đạt/Tổng số xã, phường, thị trấn	%	1,96	3,92
III	Mục tiêu về nước sạch vệ sinh môi trường			
1	Tổng số dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	(%)	85,0	(86-90)
2	Tổng số hộ dân nông thôn sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh	(%)	50,0	(52-57)
IV	Mục tiêu về Giáo dục			
1	Tổng số xã, phường đạt phổ cập mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Xã	101	102
	Tổng số xã, phường được công nhận phổ cập Tiểu học	Xã	102	102
	Tổng số xã, phường được công nhận phổ cập Trung học cơ sở	Xã	102	102
3	Tổng số trẻ em đi học nhà trẻ/Tổng số trẻ trong độ tuổi	Người	3,243	-
		(%)	11,5	16,0
4	Tổng số trẻ em 3-5 tuổi đi học mẫu giáo	Người	33.296	-
		(%)	87,2	90,0
	Tổng số trẻ em 5 tuổi đi học mẫu giáo/Tổng số trẻ trong độ tuổi	Người	11.083	-
		(%)	99,9	>99
5	Tổng số trẻ 6 tuổi vào lớp 1/Tổng số trẻ trong độ tuổi	Người	12.660	-
		(%)	99,9	>99
6	Tổng số trẻ học hết chương trình tiểu học vào lớp 6/Tổng số trẻ trong độ tuổi	Người	10.435	-
		(%)	99,7	>99
7	Tổng số trẻ từ 6 tuổi đến dưới 16 tuổi bỏ học/tổng số trẻ trong độ tuổi.	Người	205	-
		(%)	0,22	<0,22
	Trong đó: - Tiểu học	(%)	0,10	<0,10
	- Trung học cơ sở	(%)	0,12	<0,12
	- Đi học không chuyên cần	(%)	4,5	<4,5
8	Trung học cơ sở (chưa hoàn thành chương trình phổ cập 09 năm)	Người (%)	12,3	<12,0
9	Tổng số trường học đạt tiêu chuẩn Trường học an toàn PCTNTT trẻ em	Trường	237	254
	Tỷ lệ trường đạt/tổng số trường (339 trường)	%	70,0	75,0
V	Mục tiêu về Sinh hoạt, vui chơi, giải trí:			
1	Tổng số điểm vui chơi giành cho trẻ em: Trong đó:	Điểm	87	90

	- Số điểm vui chơi được cấp tỉnh quản lý	Điểm	4	4
	- Số điểm vui chơi được cấp huyện, thành phố quản lý	Điểm	10	10
	- Số điểm vui chơi được cấp xã, phường, thị trấn (cấp trường) quản lý	Điểm	73	76
2	Thư viện, phòng đọc	Điểm	62	-
3	Tủ sách	Tủ	97	-
4	Nhà văn hóa, nhà rông cộng đồng	Điểm	512	-
5	Tỷ lệ trẻ em tham gia hoạt động tại các điểm vui chơi	%	60	70
VI	Tổng số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt (10 nhóm trẻ em theo Luật)			
1	- Tổng số trẻ mồ côi, bỏ rơi	Người	2,960	-
	Trẻ em mồ côi, bỏ rơi được hưởng chế độ BHXH	Người	702	100% trẻ đủ điều kiện
2	- Tổng số trẻ em khuyết tật, tàn tật	Người	1.560	-
	Trẻ em tàn tật được hưởng chế độ BHXH	Người	782	100% trẻ đủ điều kiện
3	Tổng số trẻ em bị nhiễm chất độc hóa học	Người	10	100% trẻ được can thiệp, trợ giúp
4	Tổng số trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS	Người	1.074	100% trẻ được can thiệp, trợ giúp
	số trẻ em đã bị nhiễm HIV/AIDS	Người	5	
	Số trẻ em bị ảnh hưởng trực tiếp bởi HIV (trong gia đình có người nhiễm HIV)	Người	294	
	Số trẻ em có nguy cơ ảnh hưởng HIV (trong gia đình có người sử dụng ma túy, mại dâm, trẻ em sống trong các cơ sở XH)	Người	775	
5	Trẻ em lao động trong điều kiện nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.		8	Hàng năm giảm 10%
6	Tổng số trẻ em lang thang	Người	13	Hàng năm giảm 10%
7	Trẻ em bị xâm hại tình dục (cả giai đoạn)	Người	43	Hàng năm giảm 10%
	Trong đó số trẻ được chăm sóc giúp đỡ	Người	43	100%
8	Số trẻ nghiện ma túy	Người	1	
	Trong đó số trẻ được chăm sóc giúp đỡ	Người	1	
	Tổng số trẻ em làm trái pháp luật (cả giai đoạn)	Người	765	Hàng năm giảm 10%

9	Trong đó: - Tổng số được giải quyết	Người	765	
	- Xử lý hành chính	Người	724	
	- Truy cứu trách nhiệm hình sự	Người	41	
10	Số trẻ em làm việc xa gia đình	Người	0	
VII	Trẻ em cần sự bảo vệ đặc biệt			
11	Số trẻ em bị buôn bán, bắt cóc	Người	2	100% được can thiệp
12	Tổng số trẻ bị ngược đãi, Bạo lực, lạm dụng.	Người	35	Hàng năm giảm 10%
13	Tổng số trẻ em bị tai nạn thương tích (cả giai đoạn)	Người	6.486	Hàng năm giảm 10%
	<i>Số trẻ em bị tai nạn thương tích tử vong (ghi rõ loại hình tử vong):</i>	Người	137	100% được trợ giúp
VII I	Trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt			
14	Trẻ em sống trong các gia đình nghèo	Người	22.497	Giảm 4-5%/năm
15	Số TE sống trong gia đình có vấn đề XH (Cha mẹ ly hôn, bạo lực gia đình, có người nhiễm HIV)	Người	1.204	Hàng năm giảm 10%
16	Số TE sống trong gia đình có người mắc tệ nạn XH (ma túy, cờ bạc, trộm cắp, mại dâm, nghiện rượu)	Người		
17	TE sống trong gia đình có người vi phạm PL đang trong thời gian thi hành án	Người		
18	Trẻ em không sống cùng cả bố và mẹ từ 06 tháng trở lên	Người	100	Hàng năm giảm 10%
19	Tổng số trẻ em tảo hôn	Người	701	Hàng năm giảm 10%
20	Trẻ em lao động sớm	Người	1.390	Hàng năm giảm 10%
21	Trẻ em trong gia đình đơn thân nuôi con	Người	2.204	Hàng năm giảm 10%